

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 450/2022/HC-PT
Ngày 28 - 9 - 2022
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;
Bà Lê Thị Thúy Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Hoàng Thị Hải,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội
xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 590/2020/TLPT-HC ngày
18 tháng 11 năm 2020 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 80/2020/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm
2020 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8612/2022/QĐPT-HC
ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:**

Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1981;

Chị Lê Thị A1, sinh năm 1982.

Đều trú tại: Thôn Hữu Tài, xã Y, huyện Z (nay là thôn X, phường Y, thị xã
Z), tỉnh H. Đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lê
Thị K và Luật sư Phạm Thị H - Công ty Luật X. Có mặt luật sư Phạm Thị H.

*** Người bị kiện:** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Z.
- Ủy ban nhân dân thị xã Z.

Vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thị xã Z.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thị xã Z:

- Ông Mai C - Giám đốc Ban GPMBHT&TĐC thị xã Z.
- Ông Lê H - Trưởng phòng tư pháp thị xã Z.

3. Ông Lê T - Phó Chánh VP HĐND&UBND thị xã Z.

Đều vắng mặt.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân phường Y, thị xã Z. Vắng mặt người đại diện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Ngày 17/12/2018, UBND huyện Z, tỉnh H ban hành Quyết định 8305/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do hộ ông Nguyễn Văn A đang sử dụng tại thôn Hữu Tài, xã Y, huyện Z, để thực hiện dự án: Đường Quốc lộ 1A đến điểm đầu tuyến đường Đông Tây 4 đi cảng Z, thuộc tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi cảng Z, thu hồi 472,8m² đất đang do hộ gia đình sử dụng, đất thu hồi thuộc một phần thửa đất số 20, tờ trích đo số 2 thuộc Trích đo bản đồ khu đất số 01/TĐBD, tỷ lệ 1/500; **xác định trong diện tích đất thu hồi có 220,6m² “Đất đã bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 1996”** còn lại 252,2m² đất trồng cây hàng năm có nguồn gốc hộ gia đình sử dụng trước ngày 01/7/2004.

Cùng ngày 17/12/2018, UBND huyện Z, tỉnh H ban hành Quyết định 8302/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, theo danh sách kèm Quyết định thì hộ gia đình anh A có **220,6m² không bồi thường, hỗ trợ**; 252,2m² được bồi thường với loại đất trồng cây hàng năm (đơn giá 55.000đ/m²). Hộ gia đình được bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc số tiền 56.841.400đ; bồi thường cây hoa màu 5.885.000đ; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm 20.806.500đ. Tổng số tiền 97.403.900đ.

Anh Nguyễn Văn A đã khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z cho rằng gia đình chưa bị thu hồi, bồi thường 220,6m² khi thực hiện dự án xây dựng đường 4 và ông nước xi măng năm 1996, 1997 và đề nghị được bồi thường tài sản với hệ số 1 (100%).

Ngày 27/9/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z ban hành Quyết định số 6438/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại xác định “Việc hộ ông Nguyễn Văn A, thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh H trả lời khiếu nại là không có cơ sở”.

2. Ngày 11/11/2019, anh Nguyễn Văn A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 8305/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 (phần có nội dung “Nguồn gốc, mục đích, thời điểm sử dụng đất... được UBND xã Y và UBND huyện Z xác nhận”; Hủy bỏ một phần Quyết định số 8302/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 về phê duyệt phương án bồi thường cho hộ Nguyễn Văn A; Hủy bỏ Quyết định số 6438/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z về việc giải quyết khiếu nại; Buộc UBND thị xã Z phê duyệt phương án bồi thường cho hộ gia đình toàn bộ 472,8m² theo giá trị đất ở và bồi thường 100% giá trị tài sản trên diện tích đất thu hồi.

Về nguồn gốc đất, người khởi kiện trình bày đất do ông bà nội khai hoang từ trước năm 1980, sau này bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị B1

tiếp tục quản lý. Năm 1996, 1997, Nhà nước làm đường Quốc lộ 4 ngang qua đã cắt mảnh đất thành hai phần, nhưng chỉ bồi thường các hoa màu trên đất, gia đình không nhận được quyết định thu hồi đất, tiền bồi thường về đất. Phần đất phía Bắc gia đình chưa sử dụng đến thì đến năm 2010 bị thu hồi khi thực hiện dự án làm đường mở rộng, còn phần phía Nam gia đình sử dụng có diện tích khoảng hơn 4000m². Năm 2007, khi lập gia đình, anh được bố mẹ chia 805m² đất, được ghi nhận tại Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Y đo vẽ năm 2011, thửa đất số 09 tờ bản đồ số 62, loại đất ở nông thôn. Phần còn lại do bố mẹ và em trai anh quản lý sử dụng.

3. Chủ tịch UBND thị xã Z trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện:

- *Bản đồ địa chính qua các thời kỳ, thửa đất ông Nguyễn Văn A được thể hiện trên:*

+ Bản đồ địa chính xã Y năm 1999 thuộc một phần thửa đất số 207, tờ bản đồ số 16, diện tích 4.056,0m², loại đất Hoang bằng (Hg.B), sổ mục kê ghi chủ sử dụng đất là UBND xã.

+ Bản đồ xã Y đo vẽ hiện trạng sử dụng đất năm 2011 thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 62, diện tích 805,9m², loại đất ở nông thôn (ONT), sổ mục kê ghi chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn A.

+ Bản đồ trích đo Dự án số 01/TĐBĐ, tỷ lệ 1/500 được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H phê duyệt ngày 24/01/2017 thuộc thửa đất số 20, tờ trích đo số 02, diện tích nguyên thửa 547,3m², diện tích trong mốc GPMB 472,8m², loại đất ở nông thôn (ONT), mục kê ghi chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn A.

- *Hồ sơ thu hồi đất, giải phóng mặt bằng dự án mở rộng đường số 4, đường ống cấp nước xi măng Z:* Trên hồ sơ của Ban chỉ trả đền bù khu vực đường 4, huyện Z thể hiện: Năm 1996, 1997 thực hiện dự án mở rộng đường số 4, xây dựng đường ống cấp nước xi măng Z gia đình ông Nguyễn Văn B (bố đẻ ông Nguyễn Văn A) đã được bồi thường diện tích 1.095m² đất, trong đó: Đất ở 200m² = 5.160.000đ; đất vườn 568m² = 2.248.800đ; đất lâm nghiệp 327m² = 117.720đ.

- *Theo biên bản bàn giao cột mốc tìm đường ống nước để giải phóng mặt bằng thi công đường ống nước:* Tại vị trí nhà ông B, đường ống nằm phía Bắc của đường 4 khoảng cách từ tìm đường ống nước đến tìm đường xây dựng là 17,5m; hành lang bảo vệ đường ống nước là 1,5m.

- *Việc bồi thường được thể hiện bằng:* Bảng kê khai kiểm kê cây cối, hoa màu; kê khai diện tích đất thu hồi; giấy xin nhận tiền và phiếu chi tiền, có xác nhận của hộ gia đình ông B.

Năm 1996, 1997 thực hiện dự án xây dựng đường bộ 4, xây dựng đường ống nước xi măng Z gia đình ông Nguyễn Văn B (bố đẻ ông Nguyễn Văn A) đã được bồi thường diện tích 1,095,0m² đất. Khi thực hiện dự án đã không thi công hết phần diện tích đất đã bồi thường cho gia đình (trong đó có phần diện tích đất

hiện nay ông Nguyễn Văn A đang sử dụng) nên sau đó gia đình tiếp tục sử dụng phần diện tích đó cho đến thời điểm thu hồi đất.

UBND xã Y (nay là UBND phường Y) xác định nguồn gốc là do gia đình tự khai hoang, sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp trước ngày 01/7/2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSD đất) hoặc các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 18, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Trước năm 2011 gia đình sử dụng vào mục đích trồng cây hàng năm, năm 2011 hộ gia đình tự chuyển đổi mục đích trái phép một phần diện tích sang làm nhà ở.

Do vậy, đất thu hồi thực hiện dự án thực tế là 472,8m² trong đó 220,6m² đã thu hồi bồi thường năm 1996 1997, nên diện tích đủ điều kiện bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình là 252,2m², loại đất trồng cây hàng năm có nguồn gốc sử dụng trước ngày 01/7/2004.

Căn cứ Điều 75 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: Việc hộ gia đình ông Nguyễn Văn A khiếu nại được bồi thường diện tích 220,6m² đất là không có cơ sở.

Đối với hạng mục công trình nhà cửa, vật kiến trúc của hộ ông Nguyễn Văn A được xây dựng, tạo lập trên một phần diện tích đất đã được bồi thường cho hộ ông Nguyễn Văn B năm 1996, 1997, một phần trên thửa đất số 207, tờ bản đồ số 16, bản đồ địa chính xã Y năm 1999. Căn cứ Điều 89, Luật đất đai năm 2013; Điều 9, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 4925/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh H về việc ban hành Bảng giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh H, không có cơ sở để bồi thường, hỗ trợ bằng 100% đối với toàn bộ công trình, vật kiến trúc cho hộ ông Nguyễn Văn A.

Do vậy, người bị kiện xác định UBND huyện Z đã ban các Quyết định thu hồi đất và phê duyệt bồi thường hỗ trợ đối với hộ gia đình; quyết định giải quyết khiếu nại đúng quy định. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

4. UBND phường Y, thị xã Z trình bày quan điểm thống nhất trình bày của UBND Thị xã Z.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 80/2020/HC-ST ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng Hành chính.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 75 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn A về yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 8305/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND huyện Z về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn A;

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 8302/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND huyện Z về phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Nguyễn Văn A;

- Hủy bỏ Quyết định số 6438/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông Nguyễn Văn A;

- Yêu cầu UBND thị xã Z phê duyệt phương án bồi thường toàn bộ phần diện tích đất bị thu hồi là 472,8m² theo giá trị đất ở và bồi thường 100% giá trị tài sản trên diện tích đất thu hồi của gia đình anh Nguyễn Văn A.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh A đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh H theo biên lai thu số 0006955 ngày 19/12/2019.

Ngày 23/9/2020, anh Nguyễn Văn A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày quan điểm cho rằng căn cứ nguồn gốc đất, quá trình sử dụng, thực tế diễn biến các lần Nhà nước thu hồi đất, lập hồ sơ địa chính thì thửa đất anh A đang sử dụng đã được đo đạc, lập bản đồ 1999, năm 2011 phù hợp trích đo địa chính 2018, đủ điều kiện được xác định là đất ở. Phần diện tích 220,6m² UBND cho rằng đã thu hồi và bồi thường từ năm 1996-1997 là không đúng. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, hủy các quyết định hành chính và buộc UBND huyện Z phê duyệt phương án bồi thường toàn bộ đất thu hồi với giá đất ở và bố trí cho hộ gia đình một suất tái định cư do bị thu hồi gần hết đất ở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để thu thập chứng cứ làm rõ thời điểm ông B chia, tách đất, tài sản trên đất (nếu có) cho các con; làm rõ về thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất cũng như thời

điểm gia đình xây dựng công trình nhà ở trên đất để làm căn cứ xác định loại đất, các tài sản trên đất đã được bồi thường, hỗ trợ theo dự án 1996-1997 hay chưa, từ đó mới có căn cứ đánh giá việc năm 2018 UBND huyện Z đã thu hồi bồi thường cho anh A đúng với loại đất, bảo đảm đủ diện tích hay không.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn A yêu cầu hủy phần Quyết định số 8305/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND huyện Z thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn A; Hủy bỏ một phần Quyết định số 8302/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND huyện Z về phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Nguyễn Văn A; Hủy bỏ Quyết định số 6438/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z về việc giải quyết khiếu nại của hộ ông Nguyễn Văn A là đúng quy định tại Điều 204 Luật đất đai; khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá về tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị kiện đã bảo đảm đúng quy định của Luật đất đai và Luật khiếu nại, hướng dẫn thi hành.

[3] Về nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn A:

[3.1] Đối với phần diện tích 220,6m² đất mà hộ gia đình không được bồi thường, hỗ trợ về đất do UBND xác định đã thu hồi, bồi thường vào năm 1996-1997 cho ông Nguyễn Văn B:

Về nguồn gốc đất: anh A thừa nhận của ông bà nội cho bố mẹ anh sử dụng, liền thửa sau này tách làm 2 phần do Nhà nước làm đường, nhưng không xuất trình chứng cứ tài liệu chứng minh. Theo bản đồ địa chính, sổ mục kê lập năm 1999 chỉ thể hiện gia đình ông B, bà B1 sử dụng thửa đất ở nằm hướng Nam đường, còn hướng Bắc là thửa đất Hg (không phải đất ở).

Phía người bị kiện cho rằng dự án năm 1996-1997 đã thực hiện việc thi công chôn đường ống nước dọc đường 513; không ban hành quyết định thu hồi đất nhưng đã bồi thường về đất, tài sản nằm trên đất cho các hộ dân, và do không thi công hết đất nên vẫn để dân sử dụng một phần đất đã bồi thường. Người bị kiện đã cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm các tài liệu lưu trữ thực hiện dự án giai đoạn 1996-1997, thể hiện hộ ông Nguyễn Văn B (bố anh Nguyễn Văn A) vào ngày 01/7/1997 đã nhận số tiền 7.526.520đ đền bù về đất ở 200m², đất vườn 568m² và 327m² đất lâm nghiệp; được bồi thường tài sản trên đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh và nguyên Trưởng thôn Hữu Đạo thừa nhận thời điểm này có

việc chôn đường ống, không có quyết định thu hồi đất và sau đó dân vẫn sử dụng đất.

Để giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện Z đã xem xét các bản đồ địa chính qua các thời kỳ, các tài liệu về mốc giới (Biên bản bàn giao cột mốc tìm đường ống cấp nước xi măng năm 1996 đoạn từ trạm bơm số 2 Y đến bể chứa nhà máy xi măng, đơn yêu cầu xác nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, Biên bản hội nghị ngày 11/5/2018 xác định nguồn gốc, mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình do UBND xã Y tiến hành,...) và xác định hiện gia đình anh A đang sử dụng có 220,6m² (tiếp giáp đường) thuộc diện tích ông B đã nhận bồi thường về đất, tài sản trên đất từ năm 1997, là có căn cứ. Mốc giới đất đã làm đường ống, mốc giới GPMB 2018 của hộ anh A thống nhất thẳng hàng với mốc giới các hộ dân khác thuộc khu vực (trong đó một số hộ dân cũng có nội dung khiếu kiện).

Với các chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông B vào năm 1996 đã nhận đủ tiền bồi thường về đất, tài sản trên đất và căn cứ Điều 75 Luật đất đai năm 2013, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, do vậy năm 2018 UBND huyện Z không bồi thường, hỗ trợ đối với 220,6m² là có cơ sở.

Người khởi kiện kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ gì mới chứng minh.

[3.2] Về xác định loại đất đối với 252,2m² đất còn lại:

Anh Nguyễn Văn A thừa nhận đất đang sử dụng có nguồn gốc trước đây thuộc đất nông nghiệp do ông nội khai phá, sau đó cho ông B, năm 2006 ông B cho 2 con trai (anh và em trai) mỗi người một phần, còn lại bố mẹ anh sử dụng. Sau đó anh mới làm nhà ở, năm 2011 đo đạc bản đồ địa chính, sổ mục kê theo hiện trạng sử dụng đất của ông B và 2 con. Nhưng cho đến nay, chưa ai được cấp GCNQSD đất hay có giấy tờ gì khác về quyền sử dụng đất.

UBND cung cấp Bản đồ địa chính xã Y năm 1999: Thuộc thửa số 207, tờ bản đồ số 16, diện tích 4.056,0m², loại đất hoang bằng (Hg.B), sổ mục kê mang tên chủ sử dụng đất là UBND xã. Bản đồ địa chính xã Y năm 2011: Thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 62, diện tích 805,9m², loại đất ở nông thôn (ONT), sổ mục kê mang tên Nguyễn Văn A và Bản đồ trích đo Dự án số 01/TĐBĐ, tỷ lệ 1/500 được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H phê duyệt ngày 24/01/2017, khu đất nhà anh A đang sử dụng thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 02, diện tích 547,3m², loại đất ở nông thôn (ONT), sổ mục kê mang tên Nguyễn Văn A.

Do thửa đất hộ anh Nguyễn Văn A đang sử dụng được xác định là thửa đất tự khai hoang, sử dụng vào mục đích nông nghiệp trước ngày 01/7/2004, sau 2006 anh A mới tự làm nhà ở trên đất nhưng không làm thủ tục chuyển mục đích. Bản

đồ đo đạc 2011 không phải loại giấy tờ theo quy định tại Điều 11 Luật đất đai để xác định là đất ở, do vậy không đủ điều kiện để bồi thường toàn bộ đất thu hồi với giá đất ở nên UBND huyện Z chỉ bồi thường, hỗ trợ đối với 252,2m² đất với giá đất trồng cây lâu năm, là đúng quy định của Luật đất đai về phân loại đất và hướng dẫn thi hành.

Thực tế toàn bộ quá trình sử dụng, phân chia đất, thời điểm làm nhà,... ông B, bà B1 và các con đều thừa nhận, đều thống nhất ranh giới và đã đứng ra kê khai để tách thửa, để làm thủ tục thu hồi bồi thường mà không tranh chấp gì, nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm để làm rõ thêm các nội dung này.

[3.3] Anh Nguyễn Văn A yêu cầu được bồi thường 100% giá trị tài sản trên diện tích 472,82m² bị thu hồi, nhưng tài sản trên đất có phần xây dựng trên phần đất đã bị thu hồi từ năm 1996, phần xây dựng trên đất trồng cây lâu năm, nên không được chấp nhận là đúng.

Về đất ở: Đất thu hồi là đất nông nghiệp nên không đủ điều kiện được suất tái định cư để ở. Theo trình bày của người bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện thì toàn bộ đất ở của hộ gia đình ông B trước đây là thửa 267 (hướng Nam đường) đã bị thu hồi hết năm 2009, nhưng thời điểm đó gia đình không nhận suất tái định cư mà chuyển sang ở tại thửa 207 (hướng Bắc đường), xác nhận hiện tại vẫn còn đất sau thu hồi. Do vậy, nếu không có đất ở nào khác thì anh A có quyền đề nghị UBND có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định của Luật đất đai.

Với phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo (sửa bản án sơ thẩm) như đề nghị của luật sư bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện, cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm (hủy bản án sơ thẩm để thu thập thêm chứng cứ).

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 80/2020/HC-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0007108 ngày 23/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H được đối trừ đi số tiền án phí phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 28/9/2022.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H ;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THANDS tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương